

Tập 20

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang hai mươi hai:

(Sớ) Dụng từ thể Tướng nhi xuất, cố chỉ ngôn diệu dụng dã.

(疏) 用從體相而出，故止言妙用也。

(Sớ: Dụng do Thể và Tướng mà có, nên chỉ nói đến diệu dụng).

“Dụng” là tác dụng, nhất định là phải nương vào Lý Thể hiện tướng mà sanh ra.

(Diễn) Dụng từ thể Tướng nhi xuất giả, Phật chứng bình đẳng Chân Như Hằng sa tánh đức.

(演) 用從體相而出者。佛證平等真如恆沙性德。

(Diễn: “Dụng do Thể Tướng mà có”: Phật chứng Hằng sa tánh đức của Chân Như bình đẳng).

Câu này nói về Thể. “Phật” được nói ở đây chính là mười phương ba đời hết thảy chư Phật, đặc biệt là Phật trong Viên Giáo, mà cũng là nói những vị đã chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là “*bình đẳng Chân Như*”. “*Hằng sa tánh đức*”: Ở đây, hai chữ “*Hằng sa*” (cát sông Hằng) hình dung ý nghĩa vô lượng vô biên, hình dung đức dụng của bốn tánh, tức là tác dụng của nó.

Những tác dụng ấy vốn sẵn có đầy đủ, chẳng phải do học từ bên ngoài mà có. Trong câu này, chúng ta đặc biệt chú ý chữ “*bình đẳng*”. Nay chúng ta tu học, chẳng thể chứng quả, chẳng thể khai ngộ, là vì tâm chẳng bình đẳng. Đây là vấn đề lớn! Vì sao tâm chẳng bình đẳng? Chấp trước cứng ngắc, Ngã Chấp, Pháp Chấp. Thật sự học Phật, thật sự tu hành, ắt phải chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí.

Cổ nhân thường nói: “*Tu hành quan trọng là chuyển Thức thành Trí*”. Câu nói này là chân lý ngàn vạn phần chính xác, vĩnh viễn chẳng thay đổi. Tâm bình đẳng chính là chân tâm, tướng bình đẳng là như như. Tác dụng của tâm tướng bình đẳng là “*Hằng sa tánh đức*”. Chúng ta phải nỗ lực tại chỗ này, trong mười hai thời, hễ tâm vừa mới bất bình đẳng (vừa mới phát hiện bất bình đẳng) liền phải dấy lên Phật hiệu, Phật hiệu đánh thức cái tâm mê của chúng ta, khiến cho tâm bất bình đẳng khôi phục sự bình đẳng. Bình đẳng mới là bình thường, đúng mực, bất bình đẳng chẳng phải là bình thường, đúng mực. Đức Phật đã chứng bình đẳng.

Nói cách khác, chẳng những thức thứ sáu và thức thứ bảy đã chuyển thành Diệu Quán Sát Trí và Bình Đẳng Tánh Trí, năm thức trước và thức thứ tám cũng chuyển. Chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chuyển năm thức trước thành Thành Sở Tác Trí.

(Diễn) *Nhiên hậu lưu xuất Báo, Hóa chi Dụng, diễn thuyết thử kinh, thị Như Lai chi Dụng, cố tùng Thể Tướng nhi xuất.*

(演) 然後流出報化之用演說此經，是如來之用，固從體相而出。

(Diễn): *Rồi mới lưu xuất tác dụng của Báo Thân và Hóa Thân, diễn nói kinh này. Đây là Dụng của Như Lai vốn do Thể và Tướng mà có).*

Kinh này không đơn giản! Nó từ Hằng sa tánh đức của Chân Như bình đẳng lưu lộ. Kinh là như vậy, mà Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là như vậy. Chứng đắc cái Thể bình đẳng của Chân Như rồi mới hiện tướng Hóa Thân và Báo Thân.

Báo Thân Phật diễn nói kinh A Di Đà cho bậc Địa Thượng Bồ Tát, còn Hóa Thân Phật vì lục đạo phàm phu, Quyền giáo, Tiểu Thừa mà diễn nói kinh này. Đây là đại dụng thuộc quả báo nơi địa vị Như Lai, “vốn từ thể tướng mà có”, cố nhiên nó thật sự từ Chân Như Lý Thể Thật Tướng lưu xuất.

(Diễn) *Kim chúng sanh y kinh niệm Phật.*

(演) 今眾生依經念佛。

(Diễn): *Nay chúng sanh vâng theo kinh, niệm Phật).*

Kinh văn của bộ kinh này, Phật hiệu, từng tiếng đều tương ứng với Như Lai Thể Tướng. Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý trong ấy, làm sao một câu Phật hiệu của chúng ta có thể tương ứng với Thể - Tướng - Dụng của Như Lai bốn tánh cho được? Thể - Tướng - Dụng được nói đến ở đây chính là ba chữ Đại Phương Quảng trong tựa đề kinh Hoa Nghiêm, ba chữ này đều nhằm tán thán: Đại là tán thán Thể, Phương là tán thán Tướng, Quảng là tán thán Dụng. Do vậy, làm thế nào để một câu Phật hiệu của chúng ta tương ứng với Đại Phương Quảng? Chẳng hiểu rõ đạo lý này, quả thật sẽ chẳng tương ứng. Vì chẳng tương ứng nên hiệu quả thành tựu không to, chẳng rõ ràng. Nếu mỗi tiếng đều tương ứng thì hiệu quả sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Đại sư nói mấy câu này nhằm khích lệ chúng ta, khuyên chúng ta hãy giác ngộ, vâng theo kinh mà niệm Phật.

(Diễn) Đốn siêu tức chứng, diệt dĩ bốn hữu Chân Như, bốn cụ tánh đức, phương hữu như thị lực dụng, cố vân: “Tùng Thể Tướng nhi xuất” dã.

(演)頓超即證，亦以本有真如，本具性德，方有如是力用，故云從體相而出也。

(Diễn): Đốn siêu, liền chứng, cũng là do Chân Như vốn có, tánh đức vốn sẵn đủ, nên mới có lực dụng như vậy. Vì thế nói: “Tùng Thể và Tướng mà có”).

Đây là chúng ta phải tương ứng với chư Phật và Thể - Tướng - Dụng như thế nào. “Đốn siêu, tức chứng”: Cho thấy chẳng cần phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Cổ nhân nói: “Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. Đây chính là “đốn siêu, tức chứng” (nhánh chóng vượt thoát, chứng ngay lập tức). Trong Thông Tán Sớ, đại sư Khuy Cơ đặc biệt tán thán kinh A Di Đà là đại pháp viên đốn; kinh nói có thể thành tựu từ một ngày cho đến bảy ngày. Trong hết thảy các kinh khác, chúng ta chưa hề thấy nói như vậy; nhưng chúng ta cũng đã từng dự không ít Phật Thất, tham dự xong vẫn là phạm phu. Nói cách khác, chẳng biến đổi tí nào, khi vào trong đạo tràng Phật Thất như thế nào thì xong bảy ngày vẫn giống hệt như vậy! Bảy ngày niệm Phật chẳng đắc pháp! Chẳng hiểu lý, chẳng đắc pháp, bảy ngày đã uổng công. Nếu đúng lý, đúng pháp, lẽ nào lại như vậy? “Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. Niệm bảy ngày như vậy, lẽ đâu chẳng thành Phật? Do vậy, từng tiếng Phật hiệu đều phải niệm từ “Chân Như vốn có, vốn sẵn tánh đức”.

Từ Thể - Tướng, đức Phật lưu xuất kinh điển, nếu chúng ta nương theo kinh điển thì cũng phải lưu nhập Thể - Tướng, Dụng ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Đây chính là ý nghĩa “tiếp dẫn”. Từ Thể - Tướng, đức Phật lưu xuất kinh điển nhằm tiếp dẫn chúng ta, chúng ta nương theo kinh điển này, dùng phương pháp này để niệm Phật, sẽ “đốn siêu, tức chứng”. “Siêu” là vượt thoát sanh tử, vượt thoát mười pháp giới, chứng ngay Chân Như bình đẳng. Diệu dụng ấy thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, trong lời Sớ, Liên Trì đại sư nói “cố chỉ ngôn diệu dụng dã” (vì thế, chỉ nói tới diệu dụng).

(Sớ) Mạt cú kết quy, ngôn như thị diệu dụng đương thị hà kinh.

(疏) 末句結歸，言如是妙用當是何經。

(*Sớ*: Câu cuối là lời quy kết, nói rõ diệu dụng như vậy thuộc về kinh nào).

Sau khi thấy diệu dụng ấy, ai mà chẳng hâm mộ, mong cầu? Kinh nào vậy? Ở đây, đại sư nói rất rõ ràng.

(*Sớ*) **Duy Phật Thuyết A Di Đà Kinh, tức dĩ đương chi.**

(疏) 惟佛說阿彌陀經，足以當之。

(*Sớ*: Chỉ có Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đáng được như vậy).

Trong Tam Tạng kinh điển, tức là những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, nói đến “*đốn siêu, tức chứng*” (nhANH chóng vượt thoát, chứng ngay lập tức) thì bốn dòng kinh văn này đã nói rõ lý “*đốn siêu tức chứng*”. Nếu không có lý luận mà nói “*đốn siêu, tức chứng*”, chúng ta chẳng tin. Chúng ta cũng đã từng thí nghiệm, niệm nhiều năm như thế mà vẫn chẳng đốn siêu, cũng chẳng tức chứng! Dựa vào đâu mà nói như vậy? Ở đây, Lý ấy đã được nêu ra, chúng ta suy nghĩ, thấy thật sự có lý. Trong quá khứ, chúng ta niệm Phật lệch lạc, sai lầm rất lớn, từng tiếng Phật hiệu chẳng tương ứng với Thê, Tướng, Dụng, từng tiếng chẳng tương với Hằng sa tánh đức trong Chân Như bình đẳng. Tuy hằng ngày đều niệm, nhưng chẳng thể đốn siêu, mà cũng chẳng thể chứng nhập. Chúng ta phải nên suy nghĩ sâu xa điều này, phải nghiêm túc phản tỉnh, sửa đổi.

Tiếp theo đây, đại sư đặt ra một đoạn vấn đáp nhằm xiển minh [lý luận ấy] và phá trừ sự nghi hoặc của chúng ta. Có nghi ắt phải đoạn trừ, bởi nghi là chướng ngại rất lớn. Nghi vốn là một loại trong các phiền não căn bản “tham, sân, si, mạn, nghi”. Hoài nghi điều gì vậy? Hoài nghi thánh giáo! Do vậy, đối với lý luận, phương pháp tu hành, cảnh giới chứng đắc trong kinh điển và Thê, Tướng, Dụng đều phải hiểu rõ ràng, chẳng hoài nghi, sẽ giúp chúng ta chứng đắc rất nhanh. Nếu có hoài nghi thì nói chung là sẽ có chướng ngại.

(*Sớ*) **Hoặc vấn.**

(疏) 或問。

(*Sớ*: Nếu hỏi).

Nếu có ai hỏi như thế này, nêu câu hỏi giống như thế này.

(Sớ) Tiểu Thừa thả trí.

(疏) 小乘且置。

(Sớ: Không nói tới Tiểu Thừa).

“Trí” (置) là bỏ qua, gạt qua một bên. Chúng ta không bàn tới pháp Tiểu Thừa, vì sự tu chứng của Tiểu Thừa chỉ đạt tới A La Hán, chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng phải là pháp rốt ráo, chúng ta tạm để nó qua một bên.

(Sớ) Chỉ như chư Đại Thừa kinh, quảng như sơn tích, vân hà diệu dụng thiên tán thử kinh?

(疏) 只如諸大乘經，廣如山積，云何妙用偏讚此經。

(Sớ: Còn như các kinh Đại Thừa rộng lớn chất chồng như núi, sao lại riêng khen ngợi diệu dụng của kinh này?)

Lời hỏi này rất có lý! Kinh Đại Thừa rất nhiều. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Lăng Nghiêm, Lăng Già cũng chẳng thể nghĩ bàn. Nhiều kinh như vậy chẳng tán thán, vì sao khư khư khen ngợi kinh A Di Đà? Chẳng lẽ kinh Hoa Nghiêm chẳng bằng kinh A Di Đà ư? Kinh Pháp Hoa cũng chẳng bằng ư? Lục Tổ Đàn Kinh của Thiền Tông cũng chẳng bằng ư? Những kinh luận của Mật Tông cũng chẳng bằng ư? Thừa quý vị, đúng là chẳng bằng! Chẳng giả một tí nào, quyết chẳng phải là xử sự theo cảm tình! Gạt bỏ cảm tình, thuần là quan sát khách quan thì mới hiểu được cái hay của bộ kinh này. Thích Ca Mâu Ni Phật nói kinh này thì toàn bộ bốn hoài xuất thế độ sanh mới được tỏ lộ, được thực hiện đạt đến mức viên mãn thật sự. Liên Trì đại sư đã tự đặt ra câu hỏi này rồi Ngài tự giải đáp.

(Sớ) Đáp: Tu-đa-la trung.

(疏) 答：脩多羅中。

(Sớ: Đáp: Trong các Khế Kinh).

“Tu-đa-la” chỉ hết thầy kinh Đại Thừa.

(Sớ) Tuy cụ hữu thử nghĩa, vị hữu như thử kinh chi minh thả giản giả.

(疏) 雖具有此義，未有如此經之明且簡者。

(Sớ: Tuy có đầy đủ nghĩa ấy, nhưng chẳng được rõ ràng và đơn giản như kinh này).

Trong các kinh Đại Thừa có ý nghĩa này, lại còn phổ biến hơn, nhưng rõ rệt, tinh thuần, đơn giản như kinh này thì không có kinh nào sánh bằng A Di Đà Kinh.

(Sớ) Cố phù xứng tánh nhi đàm, chánh trực nhi thuyết, phi bất viên đốn.

(Diễn) Xứng tánh nhi đàm chỉ Hoa Nghiêm, chánh trực nhi thuyết chỉ Pháp Hoa.

(Sớ) Nhi trừng trước phản bối, phương tiện vị chương.

(Diễn) Phương tiện vị chương giả.

(疏) 故夫稱性而談，正直而說，非不圓頓。

(演) 稱性而談指華嚴，正直而說指法華。

(疏) 而澄濁返背，方便未彰。

(演) 方便未彰者。

(Sớ: Vì thế, đàm luận xứng tánh, giảng nói chánh trực, không gì chẳng viên đốn.

Diễn: “Đàm luận xứng tánh” chỉ kinh Hoa Nghiêm, “giảng nói chánh trực” chỉ kinh Pháp Hoa.

Sớ: Nhưng phương tiện “lắng đục, xoay ngược sự trái nghịch” chưa được nêu bày.

Diễn: “Phương tiện chưa được nêu bày” là...)

Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều là Nhất Thừa Viên Giáo, nhưng đối với phương tiện “lắng đục, hướng về” quả thật chẳng nói đơn giản, trọng yếu, rõ ràng, căn kẽ như kinh A Di Đà. Đơn giản, trọng yếu, rõ ràng, căn kẽ, thuận tiện thọ trì, lại tiện tu học. Tiếp theo đây, sách Diễn Nghĩa giải thích đạo lý ấy, chỉ rõ chỗ thù thắng của bộ kinh này.

(Diễn) Dĩ Hoa Nghiêm duy đàm tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, tương tức, tương nhập, đế vô song trùng trùng, lục tướng, thập huyền, tứ chủng pháp giới đẳng.

(演) 以華嚴唯談性海圓融，緣起無礙，相即相入，帝網重重，六相十玄四種法界等。

(Diễn: *Do kinh Hoa Nghiêm chỉ bàn về tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, mọi pháp chính là lẫn nhau, dung nhập lẫn nhau, lưới Thiên Đế trùng trùng, sáu tướng, mười huyền môn, bốn thứ pháp giới v.v...)*

Mấy câu này đã nêu ra đại ý của kinh Hoa Nghiêm. Từ mấy câu này, có thể thấy được sự rộng lớn, tinh vi, sâu xa của kinh Hoa Nghiêm. Trong hết thảy các kinh, chỉ riêng kinh Hoa Nghiêm là viên mãn nhất, là sách giáo khoa rất ráo nhất. Bất luận giảng về Sự, về Lý, về phương pháp, hay cảnh giới, không gì chẳng viên dung. Kinh Hoa Nghiêm có kích thước lớn, kinh văn dài. Do vậy, có thể đàm luận xúng tắng, không bị bó buộc chút nào. “*Tánh hải viên dung*”: Tánh là Chân Như bốn tánh sẵn có. Nếu quý vị nghĩ Tánh thuộc về Tỳ Lô Giá Na Phật, A Di Đà Phật, hay Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng liên can gì đến ta, quý vị đã sai rồi! Một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh hoàn toàn giảng về chính mình, giảng rõ nhân sinh vũ trụ sẵn có, nhân sinh là chính mình, vũ trụ vẫn là chính mình. “*Duyên khởi vô ngại*” là nói tới thâm la vạn tượng, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, là pháp duyên sanh, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

“*Tương tức tương nhập, để vòng trùng trùng*” đều nói tới vô ngại. Hết thảy pháp không gì chẳng chính là lẫn nhau, không gì chẳng dung nhập lẫn nhau. “*Để vòng trùng trùng*” là tỷ dụ sự trùng trùng vô tận. Ý nghĩa vô tận này cũng được phô bày rõ rệt trong kinh Hoa Nghiêm, cảnh giới này rất khó hiểu. Cổ nhân bắt đắc dĩ dùng hai tám gương to đặt song song với nhau, tức là gương chiếu gương, hình ảnh của người đứng giữa hai tám gương đó phản chiếu vô cùng tận, “*trùng trùng vô tận, tương tức tương nhập*”, lãnh ngộ ý nghĩa này. Hết thảy các pháp trong pháp giới, không pháp nào chẳng như vậy, chỉ là chúng ta chẳng thể quan sát, chẳng thể nhận biết, không thấy được chân tướng sự thật này. “*Lục tướng*” là [sáu tướng] đồng thời [tồn tại trên phương diện sự tướng]: Tổng tướng, biệt tướng, đồng tướng, dị tướng, thành tướng, hoại tướng, đồng thời trọn đủ, hiển thị hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt, duyên khởi tánh Không. Chúng tôi đã từng giảng về lục tướng và thập huyền môn khi giảng Hoa Nghiêm Luân Quán. “*Tứ chủng pháp giới*” là Sự Vô Ngại, Lý Vô Ngại, Lý Sự Vô Ngại, Sự Sự Vô Ngại. Đây là chân tướng của nhân sinh, vũ trụ, mà cũng là Thật Tướng của các pháp, đều được giảng rất rõ ràng, rành rẽ, kinh Hoa Nghiêm câu nào cũng nói lời thật.

(Diễn) *Nhị Thừa hiền thánh, thượng như lung á.*

(演) 二乘賢聖，尚如聾啞。

(Diễn: Hiền thánh Nhị Thừa còn giống như điếc, câm).

Nhị Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác. Thánh nhân là A La Hán và Bích Chi Phật. Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả là hiền nhân. Trong hội Hoa Nghiêm, các vị ấy như điếc, như câm, “lung” (聾) là không nghe được, “á” (啞) là không có cách nào nêu lên câu hỏi. Họ hoàn toàn không hiểu, muốn hỏi cũng không có cách nào hỏi được.

(Diễn) *Mạt pháp hạ phàm khởi năng tu chứng? Cổ phương tiện vị chương.*

(演) 末法下凡，豈能修證，故方便未彰。

(Diễn: *Hàng phàm phu căn cơ bậc hạ đời Mạt Pháp làm sao có thể tu chứng được? Vì thế, phương tiện chưa được phô bày.*)

Phàm phu căn tánh hạ liệt đời Mạt Pháp làm sao có thể tu? Làm sao có thể chứng cho được? Kinh Hoa Nghiêm tuy có phương tiện, nhưng chưa rõ rệt, “chương” (彰) là phơi bày rõ rệt. Không phải là kinh Hoa Nghiêm không hay, nhưng nếu chúng ta hỏi vì sao bậc Nhị Thừa nghe kinh Hoa Nghiêm không hiểu? Quý vị phải biết, bậc Nhị Thừa vẫn còn có Pháp Chấp kiên cố. Do vậy, họ chẳng thể lãnh hội ý nghĩa của kinh. Hoa Nghiêm là cảnh giới của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Pháp Thân đại sĩ đã phá Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp, nên các Ngài có thể thâm nhập. Nếu hai thứ Ngã Chấp và Pháp Chấp đều phá thì đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ giống như đọc văn chương của chính mình mới thấy thú vị, mới thấu hiểu. Trong các buổi giảng, tôi thường nói: Nhị Chấp (Ngã Chấp và Pháp Chấp), Tam Chướng (Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng, và Nghiệp Chướng) chướng ngại tu hành, chướng ngại hiểu biết ý nghĩa. Quý vị có chướng ngại, có chấp trước, nghe kinh chẳng thể khai ngộ, nghe không hiểu, đối với những bộ kinh Đại Thừa chẳng tìm được cửa để vào, gốc bệnh là ở chỗ này. Nếu phá sạch hai thứ chấp, Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng đều đoạn, hết thấy các bộ kinh Đại Thừa có khi nào chẳng phải là cảnh giới chính mình sẵn có? Lời lẽ của đức Thế Tôn có bao giờ chẳng phải là lời lẽ của chính mình? Không khác gì hết! Đoạn này có ý nói: Kinh Hoa Nghiêm đàm luận xứng tánh tuy hay, nhưng chúng ta không thể lãnh hội được.

(Diễn) *Pháp Hoa chánh trực xả phương tiện, dẫn thuyết vô thượng đạo, khai phương tiện môn, thị chân thật tướng, khai Quyền, hiển Thật, hội tam quy nhất, giai bất minh thị tấn tu phương tiện, cố diệt phương tiện vị chương.*

(演) 法華正直捨方便，但說無上道，開方便門，示真實相，開權顯實，會三歸一，皆不明示進修方便，故亦方便未彰。

(Diễn: *Pháp Hoa thẳng thừng bỏ phương tiện, chỉ nói tới đạo vô thượng, mở cửa phương tiện, nêu bày tướng chân thật, khai Quyền, hiển Thật, gộp tam thừa về nhất thừa, nhưng đều chẳng chỉ bày rõ ràng phương tiện tấn tu, nên cũng chưa phô bày phương tiện*).

Đoạn này phê bình kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa hay! Cũng là Viên Giáo Nhất Thừa, không bàn cãi gì nữa. Kinh Pháp Hoa khai Quyền hiển Thật: Quyền là pháp phương tiện, Thật là pháp chân thật. “*Pháp Hoa chánh trực xả phương tiện*”: Thẳng thừng gạt bỏ pháp phương tiện, “*dẫn thuyết vô thượng đạo*” (chỉ giảng về đạo vô thượng). Nhìn chung, những điều được nói trong cả bộ kinh không gì chẳng nhằm “*khai phương tiện môn, thị chân thật tướng*” (mở cửa phương tiện, chỉ bày tướng chân thật), dùng phương thức phương tiện thiện xảo để chỉ bày Thật Tướng của các pháp, “*khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất*”. Đây chính là nội dung của kinh Pháp Hoa. “*Chư Phật sở chứng chi pháp, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam*” (Pháp được chư Phật chứng chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, mà cũng không ba), nói rõ Nhị Thừa và Tam Thừa đều là phương tiện tiếp dẫn, Phật pháp thật sự chỉ có pháp Nhất Thừa.

Trong kinh Pháp Hoa chưa từng chỉ rõ phương pháp tu hành. Chúng ta đọc kinh Pháp Hoa, cách tu như thế nào? Thiên Thai đại sư của Trung Quốc sáng lập một phương pháp tu hành là Tam Chỉ Tam Quán, đây chính là phương pháp tu học của Pháp Hoa Tông. Tam Chỉ Tam Quán hết sức màu nhiệm. Thuở ấy, có nhiều vị cao tăng Ấn Độ sang Trung Quốc, thấy phương pháp tu hành do Thiên Thai đại sư đề xướng, phương pháp ấy do Ngài ngộ từ kinh Pháp Hoa bèn hết sức khen ngợi Thiên Thai đại sư. Họ còn nói phương pháp Nhất Tâm Tam Quán do đại sư sáng lập hết sức giống với Xa-ma-tha, Tam-ma và Thiền-na được giảng trong kinh Lăng Nghiêm lưu truyền tại Ấn Độ. Do vậy, người Hán mới biết còn có một bộ kinh Đại Thừa là kinh Lăng Nghiêm. Các vị cao tăng từ Ấn Độ sang Trung Quốc mang theo nhiều kinh điển, nhưng chẳng cầm theo kinh Lăng

Nghiêm. Pháp sư Trung Quốc sang Ấn Độ thỉnh kinh, du học, cũng chưa hề đọc kinh Lăng Nghiêm. Người Ấn Độ tiếc pháp, hết thấy các kinh đều có thể truyền cho ngoại quốc, nhưng kinh Lăng Nghiêm được coi là quốc bảo, bí mật cất giấu, chỉ truyền cho người trong nước, chẳng truyền cho người ngoại quốc. Do vậy, ngày nay Ấn Độ gặp phải đại nạn: Phật pháp đoạn diệt là do quả báo tiếc pháp đây! Chúng ta nên cảnh giác điều này. Tiếc tài sản mắc quả báo bần cùng, tiếc pháp mắc quả báo ngu si. Vì lẽ đó, Ấn Độ hiện nay không có Phật pháp.

Kinh Lăng Nghiêm truyền sang Trung Quốc quả thật chẳng dễ dàng! Khi ấy, Thiên Thai đại sư muốn sang Ấn Độ, đâu phải là chuyện dễ! Giao thông không thuận tiện, đi đường bộ phải mất hai, ba năm, không đơn giản! Do vậy, tại núi Thiên Thai, lão nhân gia xây một cái đài bái kinh hướng về phía Tây, hằng ngày lễ bái trên đài, cầu cho kinh Lăng Nghiêm sớm có ngày truyền sang Trung Quốc. Ngài lễ bái suốt mười tám năm, mãi cho đến khi viên tịch, kinh vẫn chưa truyền sang. Do vậy, Thiên Thai đại sư chưa hề đọc kinh Lăng Nghiêm. Người Trung Quốc tuy không đi xin kinh, nhưng suốt mười tám năm lễ bái không gián đoạn, có tinh thần ấy mà vẫn chưa chiêu cảm được. Đến đời vua Trung Tông nhà Đường, cao tăng Ấn Độ là Bát Lạt Mật Đế¹ lên đem kinh này, gặt được hải quan, mang tới Trung Quốc. Người Trung Quốc như có được món quý báu nhất, lại gặp được Phòng Dung là một vị học giả hạng nhất trong nước tham gia phiên dịch.

Ngài Thiên Thai dùng phương pháp tu hành là Tam Chỉ Tam Quán, hoặc như kinh Lăng Nghiêm gọi là Xa-ma-tha, Tam-ma và Thiền-na, hàng phàm phu đời Mật Pháp cũng chưa chắc đã có thể thành tựu được. Quý vị

¹ Ngài Bát Lạt Mật Đế (Pramiti), dịch nghĩa là Cực Lượng, người xứ Trung Ấn, không rõ năm sanh và năm mất, sau khi dịch kinh Lăng Nghiêm, Ngài trở về Ấn Độ (có thuyết nói Ngài bị quốc vương Trung Thiên Trúc cho người bắt Ngài về Ấn trị tội đã lén lút truyền kinh Lăng Nghiêm ra ngoài), không rõ mất năm nào. Năm Thần Long nguyên niên (705) đời Đường Trung Tông, Sư đến đạo tràng Chế Chỉ (nay là chùa Quang Hiếu) ở Quảng Châu, đọc ra nguyên văn kinh Lăng Nghiêm gồm 10 quyển, sa-môn Di Già Thước Khư dịch nghĩa, sa môn Hoài Địch dịch văn, cư sĩ Phòng Dung làm nhiệm vụ Bút Thọ (biên tập, nhuận sắc, hiệu chỉnh). Phòng Dung là người xứ Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, từng làm quan đến chức Chánh Giám Đại Phu Đồng Phụng Các Loạn Đài Bình Chương Sự. Do ông này có họ hàng với Trương Dịch Chi, “ái thiếp” của Võ Tắc Thiên, nên khi Đường Trung Tông lên ngôi, đã triệt hạ những sủng thần của Võ Tắc Thiên, khiến Phòng Dung bị vạ lây, bị đày ra Khâm Châu, chết ở đó. Ông tham gia vào đạo tràng dịch kinh của ngài Bát Lạt Mật Đế trong thời gian tạm ngụ tại Quảng Châu trên đường đi đày.

ngẫm xem: Ngày nay có bao nhiêu người học Thiền? Người học Thiền chưa chắc đã biết dùng Chỉ Quán, chưa chắc đã biết dùng phương tiện trong kinh Lăng Nghiêm, tức phương tiện đầu tiên nhất. Xa-ma-tha là tối sơ phương tiện, Tam-ma là sơ phương tiện, Thiền-na là phương tiện. Phương tiện, sơ phương tiện, tối sơ phương tiện, chẳng dễ dàng! Trong quá khứ, tôi đã giảng kinh Lăng Nghiêm rất nhiều lượt, kể như tôi đã có kinh nghiệm đối với những bộ kinh lớn ấy, phản tỉnh, kiểm thảo cẩn kẽ nhiều năm như thế, mới thật sự phát hiện kinh A Di Đà có giá trị chẳng thể nghĩ bàn. Ở đây, đối với hai bộ kinh lớn thuộc Viên Giáo Nhất Thừa, đại sư đều nói “*phương tiện vị chương*”, [tức là] chưa nêu rõ phương tiện, chúng ta rất khó nắm bắt. Hai bộ kinh lớn đã như thế thì các kinh khác không cần phải nói nữa!

(Sớ) *Kỳ dư pháp môn, hoặc hạo bác nhi nan trì, hoặc u thâm nhi vãng thố.*

(Diễn) *Hạo bác nan trì, như quảng tu vạn hạnh đẳng.*

(疏) 其餘法門，或浩博而難持，或幽深而罔措。

(演) 浩博難持，如廣修萬行等。

(Sớ) *Những pháp môn khác hoặc mênh mông bát ngát khó trì, hoặc sâu thẳm khó thực hiện.*

Diễn: “Mênh mông bát ngát” như rộng tu vạn hạnh v.v...)

Chắc hẳn hàng sơ học chẳng thể thực hiện những điều này! Đối với năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, quý vị phải biết Ngài đã hội đủ điều kiện nào, chúng ta có thể học theo hay không? Nói theo phía người niệm Phật chúng ta thì người ta đã đắc Lý nhất tâm bất loạn mới có tư cách đi tham học. Nay chúng ta ngay cả “công phu thành phiền” còn chưa đạt được, nếu đi tham học các nơi, tâm quý vị làm sao có thể định được? Nghe nhiều càng tăng trưởng tà kiến: Người này thuyết pháp như thế này, người kia thuyết pháp như thế nọ, rốt cuộc ai thuyết pháp mới là đúng? Càng đến nhiều đạo tràng, tăng trưởng thị phi, chẳng dễ gì thành tựu! Ưu điểm của cổ nhân là gần như trong cả đời họ, trước khi đại triệt đại ngộ, họ trụ tại một đạo tràng, thân cận một vị thiện tri thức, tư tưởng đơn thuần, chẳng dễ gì dấy lên tà kiến, thị phi. Do vậy, cổ nhân so ra chất phác hơn con người hiện thời. Con người hiện thời đúng là ham cao, chuộng xa hơn cổ nhân, vừa bắt đầu liền mong học rộng, mong mở rộng tu vạn hạnh, mong trở thành bậc đại thông gia, đúng như pháp sư Ấn Quang đã nói: “*Quyết định chẳng thể thành tựu*”. Cương lĩnh tu hành

trong Phật pháp là “giác, chánh, tịnh”, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm. Quý vị hãy tự suy nghĩ: Đọc nhiều, nghe nhiều kinh luận có gây trở ngại ba nguyên tắc ấy hay không? Đến nhiều đạo tràng, quen biết nhiều người, có gây trở ngại cho ba nguyên tắc ấy hay không? Quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ.

Từ thời Đông Tấn trở đi, Viễn công đại sư kiến lập Liên Xã tại Lô Sơn, đề xướng pháp môn Niệm Phật, cả đời lão nhân gia sống như bề quan. Bản thân Ngài đã như vậy, mà hề ai tham gia Niệm Phật Đường [tại Lô Sơn] không ai chẳng giống như vậy. Nơi ấy có một con suối nhỏ gọi là Hồ Khê. Phạm vi hoạt động của họ không vượt quá con suối nhỏ ấy. Trong lịch sử còn lưu truyền giai thoại Hồ Khê Tam Tiểu, là chuyện về bằng hữu chí đồng đạo hợp. Đào Uyên Minh và một vị đạo sĩ đến Lô Sơn thăm viếng Viễn công đại sư. Vừa đi vừa nói chuyện, tản bộ trên đường, chẳng ngờ vượt quá Hồ Khê, từ trước đến nay chưa hề vượt qua [con suối ấy] một bước, đó là lần thứ nhất. Người ta tâm rất thanh tịnh như vậy, chẳng chạy loạn lên! Chẳng những chưa tu thành tựu thì không dám chạy lung tung, mà sau khi đã tu thành tựu cũng như như bất động như vậy, ở cố định tại một đạo tràng, sống cả đời tại nơi đó. Do vậy, chính mình thành tựu, mà cũng thành tựu đại chúng. Thuở ấy, liên xã gồm một trăm hai mươi mấy người, ai nấy đều thành tựu, ai nấy đều vắng sanh. Trong lịch sử Trung Quốc, bất luận một đạo tràng nào cũng không có nhiều người thành tựu như vậy. Chúng ta chỉ thấy đạo tràng của Viễn công đại sư, hơn một trăm người ai nấy đều vắng sanh. Những người vắng sanh sau, lúc mạng chung thấy Tây Phương Tam Thánh, còn thấy những đồng tu của chính mình [đã vắng sanh trước] theo Phật cùng đến tiếp dẫn. Trong Thiên Tông, đạo tràng của Lục Tổ đại sư chỉ có bốn mươi ba người thành tựu, chưa bằng một nửa số người thành tựu trong đạo tràng của Viễn công đại sư. Đọc những đoạn lịch sử ấy, có tác dụng khơi gợi to lớn đối với chúng ta.

Niệm Phật phải sốt sắng niệm Phật! Hiện thời tại Đài Loan, phong trào Niệm Phật Đường rất mạnh, đây là chuyện tốt, nhưng giáo nghĩa không hiểu rõ, một tiếng Phật hiệu chưa thể tương ứng với Hằng sa tánh đức trong Chân Như bình đẳng. Do vậy có thể biết rằng: Người niệm Phật chẳng thể không thông hiểu giáo nghĩa, mức thấp nhất là phải tích cực thảo luận A Di Đà Kinh Sớ Sao và A Di Đà Kinh Yếu Giải. Nếu giáo nghĩa, phương pháp, cảnh giới đều hiểu rõ thì từng tiếng Phật hiệu sẽ tương ứng. Vì thế, tôi thường khuyên các đồng tu phát tâm học giảng kinh, chuyên giảng A Di Đà Kinh, một môn thâm nhập, tự mình quyết định

thành công ngay trong một đời này. Nếu phát tâm suốt đời giảng A Di Đà Kinh, giảng Sớ Sao, Yếu Giải, người ấy tương lai nhất định Thượng Phẩm Thượng Sanh. Học một bộ kinh chẳng khó, tốn mười năm công phu, không ai chẳng thành tựu! Mười năm học mười bộ kinh, mỗi bộ kinh học một năm, công phu chẳng đủ, nắm vững kinh ở mức độ trung bình, chẳng thể vượt trội người khác, người ta điều gì cũng chẳng kém quý vị. Nếu quý vị dụng công mười năm nơi một bộ kinh sẽ vượt trội người khác. Chuyện gì cũng phải chuyên, cũng đều phải nhất tâm.

(Diễn) *U thâm vông thố, như trực ngộ nhất tâm đẳng.*

(演) 幽深罔措，如直悟一心等。

(Diễn): “Sâu thăm không thể làm được” là như ngộ thẳng vào nhất tâm chẳng hạn).

Chữ “u thâm” ý nói hết thảy các kinh Đại Thừa quá sâu, “vông thố” là chẳng biết bắt đầu từ nơi đâu. Thật ra, bộ kinh A Di Đà này cũng sâu không đáy, không có cùng tận, nhưng chúng ta được Liên Trì đại sư chỉ dẫn và những vị tông sư như Ngẫu Ích giúp sức; do vậy mới dần dần hiểu rõ ý nghĩa kinh này, mới thật sự tin tưởng trong một đời có thể thành tựu, kiến lập tín tâm. Nếu tự mình thật sự thâm nhập, cũng chẳng hoài nghi tí nào, sẽ nhận biết trong một đời quyết định thành tựu, quyết chẳng uổng công, thẳng thừng, thỏa đáng tu nhất tâm bất loạn.

(Sớ) *Kim dẫn phiên ngôn danh hiệu, tiện nhập nhất tâm, ký đắc vãng sanh, trực chí thành Phật.*

(疏) 今但片言名號，便入一心，既得往生，直至成佛。

(Sớ): Nay chỉ do một câu danh hiệu liền nhập nhất tâm, đã được vãng sanh sẽ tiến mãi cho đến khi thành Phật).

Đây là chỗ thù thắng của pháp môn này, “phiên ngôn” là một câu danh hiệu. Trong Tâm Kinh nói “thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú” (là đại thần chú, là đại minh chú, là chú vô thượng, là chú không gì sánh bằng). Chú ấy là chú gì vậy? Chính là hai trăm sáu mươi chữ của Tâm Kinh. Tôi đặc biệt giới thiệu với quý vị, còn có một bài đại thần chú bậc nhất cao hơn nữa. Chú, tiếng Phạn là Đà-la-ni (Dhāranī), Đà-la-ni dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, “tổng

nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa” (gồm thâu hết thấy pháp, nắm giữ hết thấy nghĩa).

Quý vị hãy suy nghĩ: Sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật có phải là Tổng Trì hay chẳng? Dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quy Y Vô Lượng Giác. Sáu chữ ấy chẳng phải là gồm thâu hết thấy pháp, nắm giữ hết thấy nghĩa ư? Không còn phải bàn cãi gì nữa, quả thật danh hiệu này gồm thâu hết thấy pháp, nắm giữ hết thấy nghĩa. Nói cách khác, một câu Phật hiệu này là chú ngữ, không những là chú ngữ, tôi còn phải thêm vào *“đại thần chú bậc nhất, đại minh chú bậc nhất, chú vô thượng bậc nhất, chú không gì sánh bằng bậc nhất”*. Quý vị chẳng cần phải học các chú ngữ Mật Tông nữa, A Di Đà Phật là chú bậc nhất! Mọi người nhất định phải hiểu rõ, tổ sư Tịnh Độ Tông mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, các Ngài chẳng niệm kinh mà cũng chẳng niệm chú, Phật hiệu đã là chú rồi!

Từ Tâm Kinh, quả thật có thể thấu hiểu một câu danh hiệu A Di Đà Phật thật sự là đại thần chú chân thật chẳng dối, là đại minh chú, là vô thượng chú, là chú không gì sánh bằng, [hiểu như vậy] sẽ chẳng uổng công niệm Tâm Kinh. Một bộ Bát Nhã Tâm Kinh quy về câu Phật hiệu. Niệm kinh Hoa Nghiêm, niệm đến cuối cùng mới thấu hiểu: Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, toàn bộ Hoa Nghiêm quy về một câu Phật hiệu. Câu Phật hiệu này là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, niệm câu Phật hiệu giống như niệm toàn bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Tụng kinh Hoa Nghiêm, mỗi ngày niệm tám tiếng đồng hồ, phải tụng nửa tháng mới xong. Một câu Phật hiệu, chỉ là một lời, mà đã bao quát toàn bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chẳng sót một chữ nào, lẽ nào nó chẳng phải là đại thần chú, là đại minh chú ư? Sau khi hiểu rõ đạo lý này, đối với pháp môn Tịnh Độ, quý vị mới chết sạch tâm lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất, lẽ nào chẳng được vãng sanh?

Ở đây, đại sư kết lại lời khen ngợi: *“Kim đản phiên ngôn danh hiệu, tiện nhập nhất tâm, ký đắc vãng sanh, trực chí thành Phật”* (Nay chỉ do một câu danh hiệu liền nhập nhất tâm, đã được vãng sanh sẽ tiến mãi cho đến khi thành Phật). Ý nói: Nếu chúng ta mong đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn, thật sự chẳng dễ dàng. Lý nhất tâm bất loạn là phá một phần vô minh, Sự nhất tâm bất loạn là đoạn Kiến Tư phiền não, đều chẳng phải là chuyện chúng ta dễ dàng thực hiện được; nhưng một câu Phật hiệu có thể hàng phục phiền não, áp chế phiền não, đạt đến công phu thành phiên, đối nghiệp vãng sanh, đây chính là như Vĩnh Minh đại sư đã nói: *“Vạn người tu, vạn người về”*.

Nói cách khác, mỗi người đều có thể làm được, đều có năng lực ấy, chỉ sợ quý vị không chịu làm! Đương nhiên, quý vị có chướng ngại, chỉ sợ quý vị không chịu trừ khử những chướng ngại của chính mình, chướng ngại gì vậy? Phiền não! Ví như đại chúng cùng tu với nhau ở một chỗ, mỗi người có ý kiến khác nhau, cách nhìn, cách làm, cách nghĩ mỗi người mỗi khác. Khác nhau là chướng ngại, chướng ngại sẽ nảy sanh. Chướng ngại ai? Chướng ngại công phu thành phiền của chính mình.

Nếu có thể bỏ được thành kiến của chính mình, khởi lên câu Phật hiệu, đè nén phiền não của chính mình thì chính mình đã đạt công phu thành phiền. Tự mình niệm Phật đắc lực, lợi ích do vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc về chính mình, chứ không thuộc vào ai khác. Một mực chấp trước, một mực phân biệt, chướng ngại chính mình thành tựu công phu thành phiền. Chính mình niệm một câu Phật hiệu chẳng tốt đẹp, chẳng thể đắc lực thì chính mình thiệt thòi, đâu phải ai khác! Chỉ cần được vãng sanh, đâu sợ hạ phẩm hạ sanh! Điều tốt đẹp lớn nhất do sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thọ mạng dài lâu, đạt được quả báo ấy. A Di Đà Phật thọ vô lượng, quý vị cũng thọ vô lượng. Dầu thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, nhưng thọ mạng của quý vị là vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, ba A-tăng-kỳ kiếp thấm vào đâu? Trừ phi chẳng sanh về Tây Phương; hễ sanh về Tây Phương, quyết định thành Phật trong một đời, “*ký đắc vãng sanh, trực chí thành Phật*” (đã được vãng sanh, sẽ tiến mãi cho đến khi thành Phật), đây là sự thật!

(Sớ) Tức phương tiện nhi thành viên đốn.

(Diễn) Tức phương tiện thành viên đốn giả, xưng bỉ danh hiệu phương tiện pháp dã.

(疏) 即方便而成圓頓。

(演) 即方便成圓頓者，稱彼名號方便法也。

(Sớ: Tức là pháp phương tiện mà trở thành viên đốn.

Diễn: “Tức là pháp phương tiện mà trở thành viên đốn”: Xưng danh hiệu đức Phật ấy chính là pháp phương tiện).

Mỗi ngày niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật, phương pháp này rất thuận tiện, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn không có pháp nào thuận tiện bằng. Thượng Phẩm Thượng Sanh là viên đốn.

(Diễn) Thượng Phẩm Thượng Sanh tức đẳng Sơ Địa, khởi phi viên đốn?

(演) 上品上生即登初地，豈非圓頓。

(Diễn: Thượng Phẩm Thượng Sanh liền đạt lên bậc Sơ Địa, há chẳng phải là viên đốn ư?)

Pháp này chẳng viên đốn thì pháp nào mới là viên đốn? Thượng Phẩm Thượng Sanh là Lý nhất tâm bất loạn. Muốn đạt đến Thượng Phẩm Thượng Sanh thì phải thật sự hiểu rõ Lý Tịnh Độ. Muốn thật sự đạt được, chỉ cần chịu tin tưởng lời tôi, quý vị sẽ đỡ tốn thời gian ba mươi năm. Tôi phí thời gian ba mươi năm trong hết thấy kinh điển, trong vô lượng pháp môn mới tìm ra! Quý vị không tin [lời tôi nói] như vậy thì ráng chịu, quý vị cứ thông thả mà mò mẫm đi! Nếu quý vị tin tưởng, từ hôm nay bắt đầu gạt bỏ hết thấy kinh luận, hết thấy pháp môn, chuyên tu pháp này, tu suốt ba mươi năm, quý vị là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Tốn cả ba mươi năm tôi mới mò tìm được đường lối, trong khi quý vị đã là Thượng Phẩm Thượng Sanh, chẳng thể so sánh được! Nhưng nếu quý vị không tin, sợ rằng sẽ uổng phí cả đời này!

Thuở ấy, khi tôi mới vừa học Phật, chẳng biết điều này! Nếu biết thì từ lúc mới phát tâm tôi đã chuyên niệm A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, chuyên đọc bộ kinh này, chuyên môn giảng bộ kinh này. Nếu giảng kinh này suốt ba mươi mấy năm, tôi nghĩ quý vị trông thấy tôi, cũng chẳng kêu tôi là pháp sư Tịnh Không mà nhất định sẽ kêu tôi là A Di Đà Phật. Thật đấy, chẳng giả tí nào! Nhất định phải thật sự thực hiện, phải chịu bỏ! Hết thấy giải môn, hạnh môn đều bỏ sạch, quý vị sẽ nắm được pháp môn này, có được bộ kinh này, sẽ đạt đến nhất tâm bất loạn, đấy mới là đại công cáo thành viên mãn!

(Diễn) Vi thông huyền bí quyết, hoán cốt thần đan, như hậu văn sở tán.

(演) 為通玄祕訣，換骨神丹，如後文所贊。

(Diễn: Là bí quyết để thông đạt lẽ huyền nhiệm, là thần đan để thay xương, như trong phần kinh văn ở phía sau đã khen ngợi).

Hai câu này là lời khen ngợi. “*Thông huyền bí quyết*”: Thông là thông đạt, Huyền là huyền diệu, u huyền. “*Bí quyết*”: Hình dung một câu A Di Đà Phật là đại thần chú có thể thông đạt lẽ huyền nhiệm, là bí quyết trong Phật môn. “*Hoán cốt thần đan*”: Giống như đan dược của thần tiên,

uống vào sẽ có thể thoát thai hoá cốt², siêu phàm nhập thánh. Đây là lời tán thán Phật hiệu. Trong phần sau còn rất nhiều đoạn văn khen ngợi.

(Sớ) Thân công thắng lực, bất quy thử kinh, tương thù quy hô?

(疏) 神功勝力，不歸此經，將誰歸乎。

(Sớ: Công đức thân diệu, lực dụng thù thắng, chẳng quy vào kinh này thì quy vào đâu nữa?)

Công đức thân diệu chẳng thể nghĩ bàn, lực dụng thù thắng, chẳng quy vào kinh A Di Đà thì quy vào kinh nào? So sánh sẽ thấy đúng là chẳng giả tí nào. Chỗ này đáng khiến cho chúng ta phản tỉnh sâu xa. Do vậy, công đức, lực dụng quả thật tập trung trong bộ kinh này. Đại Tạng Kinh có nhiều kinh điển dường ấy, sách vở thế gian và xuất thế gian đều có thể dùng làm tài liệu tham khảo. Chẳng hạn như nói đến “lục tướng, thập huyền” thì có thể tra cứu Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, Phật Học Từ Điển, Tam Tạng Pháp Sớ, dùng chúng làm tài liệu tham khảo. Tinh hoa của hết thảy các kinh và các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều quy nạp, dung nhập bộ kinh này, phá vô minh từ vô thủy của chính mình, thành tựu nhất tâm bất loạn cho chính mình, rồi mới lại hoằng dương, phát huy pháp môn Tịnh Độ, lợi ích vô lượng vô biên chúng sanh.

Thật sự nói đến lợi ích thì ắt phải bắt chước Viên công đại sư, niệm Phật trong Niệm Phật Đường, mọi người phát tâm cả đời chẳng ra khỏi sơn môn, hoặc hoạch định một giới tuyến, thật sự khiến cho tâm định lại. Giống như đầu thời Dân Quốc, tổ Ấn Quang đã lập Niệm Phật Đường tại núi Linh Nham, Tô Châu, quy củ của liên xã tuy không nghiêm ngặt như thuở Viên công đại sư, nhưng cũng có không ít người thành tựu. Bất luận tại gia hay xuất gia đều có thể quả đơn³ tham gia niệm Phật. Đây là Niệm Phật Đường quanh năm, hằng ngày đả Phật thất. Một năm ba trăm sáu

² “Thoát thai hoá cốt” là một thuật ngữ của Đạo Giáo, nhằm sánh ví người tu tiên đắc đạo, sẽ chuyển thân phàm thành thân thánh, thành thân thần tiên không hư nát, giống như đổi phàm thai thành thánh thai, đổi xương phàm thành xương tiên. Về sau, Đạo gia tin tưởng có những loại thuốc tiên (kim đan, tiên đan) uống vào sẽ thoát thai hoá cốt. Từ ngữ này về sau được dùng phổ biến với ý nghĩa một người đã đạt đến cảnh giới thành tựu cao cả nào đó, trở thành bậc thầy trong một lãnh vực nào đó.

³ “Quả đơn” là xin gia nhập chúng thường trụ của một ngôi chùa. Thuở xưa, chư Tăng ngủ trên đơn chứ không nằm trên giường. Đơn là một miếng gỗ kê lên giá, vừa đủ cho một người nằm. Khi có người gia nhập tăng chúng thường trụ thì kê thêm đơn, nên xin gia nhập một ngôi chùa nào sẽ được gọi là “quả đơn”.

mười ngày, Tết nhất cũng không nghỉ. Khóa tụng của núi Linh Nam là mỗi ngày niệm Phật sáu cây hương, mỗi năm hai lượt tổ chức Tinh Tấn Phật Thất. Tinh Tấn Phật Thất là tăng thêm thời gian niệm Phật, niệm đến chín cây hương.

Thông thường là ghép bảy thất lại để làm Tinh Tấn Phật Thất, đạo tràng như vậy mới có thể thành tựu đại chúng. Trước kia, người niệm Phật quá nửa là thông đạt giáo lý, người niệm Phật hiện thời tuy có nơi chốn, nhưng niệm hai ngày, tâm họ thấy càng niệm càng phiền, bỏ đi, nguyên nhân là do đâu? Không thông giáo lý, chẳng hiểu công đức lợi ích thù thắng của pháp môn này. Do vậy, họ không có tâm nhẫn nại.

Nếu thật sự hiểu rõ công đức, lợi ích và chỗ tốt đẹp của pháp môn này, tôi tin họ nhất định sẽ cho đến hết đời chẳng rời khỏi sơn môn. Đây là phương hướng mà từ nay trở đi chúng ta phải nỗ lực. Đến đây, có thể nói là đại sư đã đem thánh giáo trong suốt một đời, tức Phật pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, quy vào kinh A Di Đà. Nay đã hết giờ rồi!